

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v tranh chấp HĐCNQSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vệ.

Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cao Lãnh: Bà Huỳnh Thị Đạm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 198/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Quang T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 118/32, Võ Trường Toản, khóm 4, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Võ Quang T: Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H – Trưởng Văn phòng luật sư QH – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Thái Thị H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số 149/1, khóm Mỹ Phước, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Văn C, sinh năm 1948;

2/ Bà Võ Thị Cẩm V, sinh năm 1953;

3/ Ông Võ Văn Ch, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp Thanh Tiến, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Bà Võ Thị Q, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp Bình Hòa, xã F, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Ông Võ Văn Hồng, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 301, Tổ 48, đường Lê Lợi, Khóm 3, Phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

6/ Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1960;

Địa chỉ: khóm Mỹ Thượng, phường Ph, Tp. C, Đồng Tháp;

(Anh T, QH có mặt tại phiên tòa; bà H, ông C, bà V, bà Q, ông Đ vắng mặt không có lý do; ông Ch, ông D có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Quang T trình bày:

Ngày 28/7/2015, anh T nhận chuyển nhượng của bà Thái Thị H diện tích đất như sau:

Diện tích 2.604m², thuộc thửa 271; Diện tích 692m², thửa 264; Diện tích 284m², thửa 280; Diện tích 4.933m², thửa 256, loại đất lúa, 04 thửa thuộc tờ bản đồ 4; Diện tích 4.533m², thửa 80, loại đất lúa, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã M, huyện L.

Giá trị chuyển nhượng các diện tích đất nêu trên là 300 triệu. Nhưng do để giảm các loại tiền thuế, phí phải đóng nên trong Hợp đồng chuyển nhượng của anh và bà H thống nhất ghi số tiền chuyển nhượng là 200 triệu. Bà H đã nhận đủ tiền và có làm biên nhận, nhưng chưa giao đất. Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh với bà H được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Đồng Tháp.

Anh đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 05 thửa đất nêu trên vào ngày 11/8/2015.

Ngày 30/11/2015, anh chuyển nhượng lại toàn bộ các thửa đất trên lại cho ông Trần Văn Đ với số tiền 300 triệu. Hợp đồng chuyển nhượng giữa anh với ông Đ được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đồng Tháp.

Sau khi chuyển nhượng toàn bộ phần đất cho ông Đ thì anh mới biết phần đất bà H chuyển nhượng cho anh có tranh chấp với bà Võ Thị Q, ông Võ Văn Ch, ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, ông Võ Văn D là hàng thừa kế của ông Võ Văn G (Gi).

Tại Bản án số 71/2017/DS-ST, ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và Bản án số 190/2018/DS-PT, ngày 20/8/2018 của Tòa án

nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử cho bà Võ Thị Q, ông Võ Văn Ch, ông Võ Văn C, bà Võ Thị Cẩm V, ông Võ Văn D được tiếp tục sử dụng diện tích đất tranh chấp với bà H và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh và ông Đ.

Anh đã trả lại số tiền 200 triệu cho ông Đ, có làm biên nhận. Ông Đ cam kết sẽ không có tranh chấp gì với anh.

Anh đã liên hệ với bà H yêu cầu bà H trả lại số tiền 300 triệu nhưng bà H không trả.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/7/2015 giữa anh với bà Thái Thị H.

- Yêu cầu bà Thái Thị H trả lại cho anh số tiền chuyển nhượng đất 300.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 1%/tháng. Tạm tính từ ngày 28/7/2015 đến ngày xét xử là 180 triệu. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh T xin thay đổi phần yêu cầu lãi sang yêu cầu bà H phải bồi thường thiệt hại số tiền 180 triệu, trong tổng số tiền chênh lệch giá đất 561.036.000đ (đồng ý biên bản thẩm định và định giá năm 2016 của Tòa án huyện Cao Lãnh) với giá là $66.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 13.046\text{m}^2 = 861.036.000\text{đ}$.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Thái Thị H vắng mặt nhưng có văn bản ý kiến như sau:

Bà H thống nhất với lời trình bày của anh T là ngày 28/7/2015 bà chuyển nhượng cho anh T các thửa đất gồm:

Diện tích đất 2.604m², thuộc thửa 271; Diện tích đất 692m², thửa 264; Diện tích đất 284m², thửa 280; Diện tích đất 4.933m², thửa 256, loại đất lúa, 04 thửa thuộc tờ bản đồ 4,; Diện tích đất 4.533m², loại đất lúa, thửa 80, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã M, huyện L.

Giá thực tế chuyển nhượng là 300 triệu, bà đã nhận đủ tiền. Anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 05 thửa đất vào ngày 11/8/2015.

Phần đất có nguồn gốc bà nhận thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị K. Khi bà bán đất cho anh T thì bà có chỉ rõ 05 thửa đất cho anh T xem trước và sau khi anh T đứng tên bà cũng đã bàn giao đất cho anh T quản lý, sử dụng. Anh T không có ý kiến gì.

Đến ngày 30/11/2015, T chuyển nhượng toàn bộ 05 thửa đất này cho ông Trần Văn Đ. Sau khi anh T đứng tên phần đất thì bà không còn trách nhiệm và nghĩa vụ gì đối với anh T. Do 05 thửa đất nêu trên bà được UBND

huyện Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp và chuyển nhượng lại cho anh T cũng hợp pháp, được Văn phòng công chứng Đồng Tháp chứng thực. Thời điểm chuyển nhượng đất cho anh T không ai tranh chấp. Hơn 04 tháng sau (ngày 30/11/2015) Toàn chuyển nhượng lại cho ông Đ. Từ ngày T đứng tên quyền sử dụng đất và chuyển nhượng đất lại cho ông Đ, T không tranh chấp gì với bà.

Năm 2017, ông Võ Văn C, bà Võ Thị Cẩm V, ông Võ Văn Ch, bà Võ Thị Q, ông Võ Văn D tranh chấp quyền sử dụng đất với bà. Ngày 20/8/2018 Tòa án Tỉnh đã quyết định tuyên xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn Đ, ông Võ Quang T, bà Thái Thị H và bà Nguyễn Thị K. Bản án phúc thẩm xét xử chưa thuyết phục nên bà đã làm đơn kháng nghị giám đốc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh. Hiện Tòa án và Viện kiểm sát đã nhận được đơn khiếu nại của bà, chờ xem xét giải quyết lại.

T đã quản lý đất và sang bán cho ông Đ nhưng T cho rằng sau khi chuyển nhượng đất cho ông Đ thì Toàn mới biết đất này tranh chấp là không đúng. Vì bà chuyển nhượng đất cho T năm 2015. Đến năm 2017 mới xảy ra tranh chấp.

Việc bà chuyển nhượng đất cho anh T là hợp pháp và đã hoàn tất từ năm 2015. Trước đó, bà đang thiếu nợ ngân hàng số tiền lớn, T là người gợi ý bà bán đất cho T để bà có tiền trả nợ ngân hàng, bà không lừa dối. Nay xảy ra tranh chấp, Tòa án đã hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do T đứng tên là ngoài ý muốn. Nay bà không đồng ý trả lại cho T số tiền 300 triệu và tiền lãi.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ và ông Võ Văn Ch có đơn xin vắng mặt và có văn bản ý kiến như sau:

Phần diện tích đất hiện nay các anh chị em các ông đang quản lý, sử dụng. Đối với hợp đồng mua bán đất tranh chấp giữa ông T và bà H. Các ông không có ý kiến. Do trước đây phần đất này là của cha các ông là ông Võ Văn G canh tác nhưng có nhờ mẹ vợ là Nguyễn Thị K đứng tên dùm vào năm 1994 (bà K là mẹ bà Thái Thị H) nhưng thực tế ông G là người canh tác đất và đóng thuế hằng năm.

Vào năm 2002 bà Nguyễn Thị K có làm giấy trả đất tại UBND Phường A, Tp. C. Năm 2004 bà K chết. Sau khi bà K chết thì các anh chị em của các ông cùng bà Thái Thị H có thỏa thuận để bà H đứng tên quyền sử dụng đất theo thừa kế và sau đó sẽ chuyển lại cho chúng tôi. Bà H thông nhất và phải

hỗ trợ cho bà số tiền 20 triệu. Các anh chị em các ông đã ứng trước cho bà H số tiền 13 triệu. Sau khi bà H đứng tên quyền sử dụng đất thì bà H không đồng ý sang tên lại cho các anh chị em các ông. Nên các anh chị em các ông tranh chấp đất với bà H tại ấp Thanh Tiến, xã M, huyện L. Trong quá trình giải quyết tranh chấp thì bà H đem phần đất này chuyển nhượng cho ông T. Do đó, việc ông T kiện bà H yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng và yêu cầu bà H trả lại cho ông T số tiền. Các ông không có ý kiến, do phần đất này được Tòa án huyện Cao Lãnh và Tòa án tỉnh Đồng Tháp xét xử công nhận cho các anh chị em các ông được tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ông Đ, ông C, bà Q, bà V vắng mặt và không có văn bản ý kiến.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư QH đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất anh T nhận chuyển nhượng của bà H đã bị bản án phúc thẩm số 190/2018/DS-PT, ngày 20/8/2018 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K, bà H, anh T và ông Đ. Xét về lỗi thì bà H có lỗi trong việc chuyển nhượng đất cho anh T do đất đang tranh chấp, trong khi anh T hoàn toàn không biết phần đất này có tranh chấp. Anh T đồng ý không yêu cầu định giá lại phần đất và đồng ý mức giá chung là $66.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 13.046\text{m}^2 \times 66.000\text{đ} = 861.036.000\text{đ}$. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh T thay đổi phần lãi từ 180 triệu chuyển sang yêu cầu bà H bồi thường thiệt hại 180 triệu trong số tiền chênh lệch giá đất là 561.036.000đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Quang T, tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T và bà Thái Thị H là vô hiệu. Buộc bà Thái Thị H trả lại cho anh Võ Quang T số tiền 300 triệu và bồi thường thiệt hại 180 triệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của anh Võ Quang T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bị đơn bà Thái Thị H có địa chỉ liên hệ tại Số 149/1, khóm Mỹ Phước, Phường B, thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 9

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Võ Quang T và bà Thái Thị H được thực hiện ngày 28/7/2015, gồm 05 thửa và diện tích cụ thể như sau: Diện tích 2.604m², thuộc thửa 271; Diện tích 692m², thuộc thửa 264; Diện tích 284m², thuộc thửa 280; Diện tích 4.933m², thuộc thửa 256, loại đất lúa, cùng tờ bản đồ 4; Diện tích 4.533m², thuộc thửa 80, loại đất lúa, tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc tại xã M, huyện L. Giá thực tế chuyển nhượng được anh T và bà H thừa nhận là 300 triệu. Tuy nhiên, trong hợp đồng chuyển nhượng chỉ ghi 200 triệu, bà H đã nhận đủ số tiền và đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng cho anh T đứng tên, số vào sổ cấp GCN: CH02658; số vào sổ cấp GCN: CH02655; số vào sổ cấp GCN: CH02656; số vào sổ cấp GCN: CH02657; số vào sổ cấp GCN: CH02659; cấp giấy ngày 11/8/2015.

Sau khi anh T được cấp quyền sử dụng đất thì phía bà H có dẫn anh T xuống xem đất và bà H cho rằng đất hiện do bà đang cho cháu bà thuê, sau khi hết hạn cho thuê sẽ giao đất cho anh T nhưng anh T không hỏi rõ ai là người thuê đất và đến khi nào hết hạn thuê có đúng như lời bà H nói hay không nên anh T cũng có phần lỗi. Trong khi đó phần đất này lại đang có tranh chấp với ông C, ông D, ông Ch, bà Q, bà V tại UBND xã M, huyện L. Mặc dù, tại văn bản ý kiến của bà H cho rằng tại thời điểm chuyển nhượng đất cho anh T thì đất không có tranh chấp và bà đã giao đất cho anh T và anh T cũng không có ý kiến gì, do đó không phải lỗi của bà. Tuy nhiên, lời khai của bà H tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/5/2017 của Tòa án huyện Cao Lãnh, (Bút lục số 404) thể hiện như sau “Chủ tọa hỏi bà H:

Hỏi: Khi bà chuyển nhượng đất cho anh T thì bà có giao đất cho anh T và gặp các nguyên đơn để bàn bạc vấn đề giao đất không?

Đáp: Không có. Vì tôi nghĩ đất là của tôi thì tôi chuyển nhượng hợp pháp.

Hỏi: Lúc đó các nguyên đơn đã tranh chấp với bà chưa?

Đáp: Đã tranh chấp tại UBND xã.

Hỏi: Tại sao đất đang tranh chấp mà bà chuyển nhượng?

Đáp: Do tôi không nghĩ có vấn đề gì vì đất là của mẹ tôi để lại cho tôi.

...”. Như vậy, qua lời khai của bà H chứng minh tại thời điểm bà chuyển nhượng đất cho anh T thì đất hiện do bà Võ Thị Q, ông Võ Văn Ch, ông Võ

Văn C, bà Võ Thị Cẩm V, ông Võ Văn D đang sử dụng và đang có tranh chấp với bà H nên bà H cũng có lỗi. Trong vụ án này lỗi được xác định phần lỗi của bà H là $\frac{1}{2}$ lỗi do biết rõ đất đang có tranh chấp nhưng lại đem chuyển nhượng cho anh T. Đối với lỗi của anh T là không hỏi rõ xem ai là người thuê đất và đến khi nào hết hạn thuê có đúng như lời bà H nói hay không nên anh T cũng phải chịu $\frac{1}{2}$ lỗi.

Tại Bản án số 71/2017/DS-ST, ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và Bản án số 190/2018/DS-PT, ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử cho bà Võ Thị Q, ông Võ Văn Ch, ông Võ Văn C, bà Võ Thị Cẩm V, ông Võ Văn D được tiếp tục sử dụng diện tích đất tranh chấp với bà H và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T, ông Đ, bà H và bà K. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án huyện Cao Lãnh thụ lý giải quyết thì phía anh T không yêu cầu xem xét đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh và bà H.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án Tp. Cao Lãnh hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T và bà H và yêu cầu bà H trả lại 300 triệu tiền chuyển nhượng đất, đồng thời bà H phải chịu lãi đối với số tiền với mức lãi 1%/tháng, tính từ 28/7/2015 đến ngày xét xử là 180 triệu. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh T thay đổi đối với yêu cầu phần lãi sang yêu cầu bồi thường thiệt hại do hợp đồng bị hủy là phù hợp Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005. Anh T đồng ý với giá 66.000đ/m² đất tại biên bản định giá ngày 22/3/2016 của hội đồng định giá tại Trụ sở Tòa án huyện Cao Lãnh, đối với thửa 80, loại đất lúa, gồm có 02 vị trí với giá 72.000đ/m² và 66.000đ/m². Tuy nhiên, anh T đồng ý chung một mức giá cho toàn 05 thửa là 66.000đ/m² x 13.046m² x 66.000đ = 861.036.000đ – 300.000.000đ chuyển nhượng = 561.036.000đ. Như vậy mỗi bên chịu thiệt hại $\frac{1}{2}$ = 280.518.000đ nhưng anh T chỉ yêu cầu bà H bồi thường thiệt hại số tiền 180 triệu là thấp hơn số tiền bà H phải bồi thường cho anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T là phù hợp pháp luật.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T và ông Đ. Tòa án đã thông báo cho ông Đ có yêu cầu thì phải nộp đơn theo quy định để Tòa án xem xét nhưng ông Đ không có văn bản trình bày không yêu cầu hay tranh chấp trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Thái Thị H phải trả cho anh T số tiền chuyển nhượng 300 triệu và bồi thường thiệt hại số tiền 180 triệu nên căn cứ khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà Thái Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 128; Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Võ Quang T đối với bà Thái Thị H;

Tuyên bố giao dịch dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/7/2015 giữa anh Võ Quang T với bà Thái Thị H là giao dịch dân sự vô hiệu.

Bà Thái Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Võ Quang T số tiền 300 triệu và bồi thường thiệt hại 180 triệu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thái Thị H phải chịu 24.000.000 đồng.

Anh Võ Quang T được nhận lại số tiền 10.460.000đ do anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005447 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm

“Để thi hành”

TP. Cao Lãnh, ngày 00 tháng 00 năm 2017

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN**

Nơi nhận:

- THADS TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thơm

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Thơm